

UEW-NY

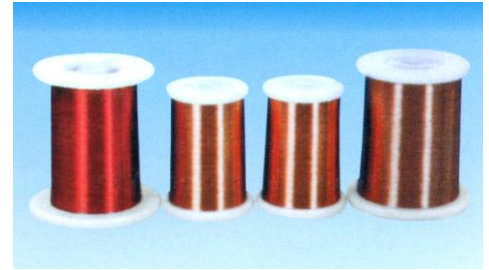
尼龍外被聚胺酯漆包銅線

Dây điện từ Polyurethane có phủ Polyamide

Polyamide Over Polyurethane Enamethane Copper Wire

Cấp chịu nhiệt 耐溫等級: 130°C/155°C

Thermal Rating: 130°C /155°C



本產品經 UL 認可合格登錄，有耐溫等級 130°C 的 TYTUN-B130，耐溫等級 155°C 的 TYTUN-B130。

絕緣說明：

- UEW+NY 為雙層可焊絕緣，其組成底層是變性 Polyurethane 外被為 Polyamide (Nylon)，尼龍外被最主要的功能是在生產密度較高的線圈時能減少繞線摩擦，減少容積率及幫助快速繞線。

特性：

- (a) 高速捲繞或自動繞線時具有極佳之繞線性。
- (b) 能提供生產密度高之線圈及繞組。
- (c) 在高頻下具有良好 “Q” 值特性
- (d) 具有良好之密著性及捲繞性，可避免繞線時之損傷。
- (e) 耐溶劑性佳，對一般含浸凡立水所用之溶劑及硬化劑具有良好之阻抗。

應用範圍：

- 繼電器，點火線圈，家電馬達，密封式線圈，微型變壓器。

Sản phẩm chứng nhận UL: TYTUN-B130 có cấp chịu nhiệt 130°C, TYTUN-B130 cấp chịu nhiệt 155°C

Mô tả cách điện:

- UEW+NY là lớp cách điện kép hàn được, được tạo thành bởi lớp trong là Polyurethane biến tính và ngoài là Polyamide (Nylon), chức năng chủ yếu của lớp nylon ngoài là khi sản xuất các cuộn dây có mật độ cao có thể giảm thiểu ma sát trong lúc quấn dây, giảm thiểu tỷ lệ dung tích và giúp cho việc quấn dây được nhanh chóng.

Đặc tính:

- (a) Có tính quấn dây cực tốt khi quấn dây ở tốc độ nhanh hay quấn dây tự động.
- (b) Sản xuất cuộn dây có mật độ cao
- (c) Có đặc tính trị số “Q” tốt ở tần số cao
- (d) Có tính bám dính và tính cuộn quấn tốt tránh sự tổn hại khi quấn dây.
- (e) Tính bền chịu dung môi, chịu đựng tốt đối với dung môi và chất làm cứng được sử dụng trong sơn ngậm.

Phạm vi ứng dụng:

- Relay, cuộn dây đánh lửa, motor điện gia dụng, cuộn dây khép kín, bộ biến áp nhỏ.

UL Recognized: Class 130°C Product TYTUN-B130, Class 155°C Product TYTUN-B130

Insulation Description

- UEW+NY is a dual film solderable insulation composed of Modified Polyurethane resin with a Polyamine (nylon) overcoat. The nylon overcoat provided a significant reduction in the wire's coefficient of friction aiding both windability and the production of compact coils.

Features and Benefits

- (a) Excellent deteeling and windability on high speed and / or automatic winding machines.
- (b) Produces compact coils and windings.
- (c) Superior “Q” characteristics at high frequencies.
- (d) Exceptional film flexibility and dahension.
- (e) Excellent testant to a variety of solvents including most varnishes and hardener catalysts.

Typical Application

- Relay, Inition coils, Motors, Coils.

適用規範：

皮膜構造		供應線徑		適用範圍			
		公制 (mm)	AWG	NEMA	IEC	JIC	CNS
2	Single	1.00~0.06	18~42	MW28-C	317-19	—	11384
				MW80-C	317-21	—	—
1	Heavy	2.00~0.10	10~38	MW28-C	317-19	—	11384
				MW80-C	317-21	—	—
0	Triple	2.00~0.10	10~38	MW28-C	317-19	—	11384
				MW80-C	317-21	—	—

Applicable Specifications:

Available Builds		Available Size		Applicable Specifications			
		Metric(mm)	AWG	NEMA	IEC	JIC	CNS
2	Single	1.00~0.06	18~42	MW28-C	317-19	—	11384
				MW80-C	317-21	—	—
1	Heavy	2.00~0.10	10~38	MW28-C	317-19	—	11384
				MW80-C	317-21	—	—
0	Triple	2.00~0.10	10~38	MW28-C	317-19	—	11384
				MW80-C	317-21	—	—